TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TRỤ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 49/2022/QĐST-HNGĐ	*Tân Trụ, ngày 28 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬNCỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

Căn cứ vào các Điều 212, 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 62/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Ông Võ Hoàng A, sinh năm 1993.

Địa chỉ cư trú: Ấp BH, xã BTĐ, huyện T, tỉnh Long An.

2/ Bà Nguyễn Thị KT, sinh năm 1991.

Địa chỉ cư trú: Ấp LG, xã LH, huyện BL, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Võ Hoàng A và bà Nguyễn Thị KT tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BTĐ, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 12 tháng 12 năm 2017. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Anh và bà Trang được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[2] Tại phiên hòa giải ngày 20 tháng 4 năm 2022, hai bên thực sự tự nguyện ly hôn do không còn tình cảm với nhau, thỏa thuận về việc nuôi con chung, thỏa thuận được với nhau về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác.

[3] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Võ Hoàng A và bà Nguyễn Thị KT.

Về nuôi con chung: Ông Võ Hoàng A và bà Nguyễn Thị KT thỏa thuận thống nhất giao con chung tên Võ Nguyễn HT, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2018 cho bà Nguyễn Thị KT trực tiếp nuôi dưỡng, ông Võ Hoàng A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định của pháp luật.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Ông Võ Hoàng A và bà Nguyễn Thị KT đều xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Ông Võ Hoàng A và bà Nguyễn Thị KT xác định không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các vấn đề khác: Ông Võ Hoàng A và bà Nguyễn Thị KT không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Ông Võ Hoàng A tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007285 ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, hoàn trả cho ông Võ Hoàng A số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị KT tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007286 ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh

Long An, hoàn trả cho bà Nguyễn Thị KT số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ (Để thi hành);
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Hoàng Dung